

**CÔNG TY CỔ PHẦN CTDT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CTDT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CTDT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108032423

**3. Ngày thành lập:** 23/10/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 8, Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0987238888

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                        | 1062        |
| 2.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                | 1075        |
| 3.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                       | 1079        |
| 4.  | Bán buôn gạo                                                                                                         | 4631        |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632        |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                 | 4641        |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                   | 4649        |
| 8.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                              | 4791        |
| 9.  | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                         | 4799        |
| 10. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                              | 1104        |
| 11. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh               | 4741        |
| 12. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                            | 4742        |
| 13. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                  | 4511        |
| 14. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                         | 4512        |
| 15. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá tài sản)                                                 | 4513        |
| 16. | Bán mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đầu giá tài sản)                                                                 | 4541        |
| 17. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                 | 5629        |
| 18. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                      | 4719 |
| 20. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn;<br>- Bán buôn đồ uống không có cồn;                                                                                                               | 4633 |
| 21. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào                                                                                                                                                                      | 4634 |
| 22. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                             | 4723 |
| 23. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                        | 4724 |
| 24. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                           | 4781 |
| 25. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                    | 5630 |
| 26. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                           | 5610 |
| 27. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                  | 5510 |
| 28. | Chuyển phát                                                                                                                                                                                                | 5320 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                                                                                                   | 5229 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                       | 8299 |
| 31. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                            | 1010 |
| 32. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                    | 1020 |
| 33. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                               | 1030 |
| 34. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                                                            | 1040 |
| 35. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                        | 1050 |
| 36. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                                                                                                                | 1061 |
| 37. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan);<br>- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho khác                                           | 5210 |
| 38. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: - Bán lẻ hàng dệt lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ hàng may sẵn lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ giày dép lưu động hoặc tại chợ; | 4782 |
| 39. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                             | 4933 |
| 40. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                     | 7710 |
| 41. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                        | 7730 |
| 42. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                            | 4659 |
| 43. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                              | 1071 |
| 44. | Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo                                                                                                                                                                         | 1073 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 45. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản<br>- Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4620                                                                |
| 46. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4773                                                                |
| 47. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7020                                                                |
| 48. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8230                                                                |
| 49. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4761                                                                |
| 50. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: - Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ hàng hóa khác chưa được phân vào đâu, lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4789                                                                |
| 51. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác: các trò chơi lượt ván, mô tô trượt nước, các trò chơi vận động, dã ngoại (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề) - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9329                                                                |
| 52. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759                                                                |
| 53. | (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                        | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI THỊ NGỌC THÚY | Số 138, tổ 9, khu dân cư Văn Quán, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                | Cổ phần phổ thông | 81.930     | 819.300.000           | 27,310    | 151758863                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                                             | Tổng số           | 81.930     | 819.300.000           | 27,310    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG MANH CƯỜNG  | Số 1002, tầng 10, 29T1, N05 Khu đô thị Đông Nam, Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 121.890    | 1.218.900.000         | 40,630    | 012478818                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                                             | Tổng số           | 121.890    | 1.218.900.000         | 40,630    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | LƯU HUYỀN THOẠI   | Số 112 Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                 | Cổ phần phổ thông | 79.920     | 799.200.000           | 26,640    | 012197106                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                                             | Tổng số           | 79.920     | 799.200.000           | 26,640    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | BÙI YẾN LY        | Khu công nghiệp xi măng Sài Sơn, Xã Ngọc Mỹ, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                     | Tổng số           | 16.260     | 162.600.000           | 5,420     | B6280669                                                                                    |         |
|     |                   |                                                                                                                             | Cổ phần phổ thông | 16.260     | 162.600.000           | 5,420     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI THỊ NGỌC THÚY

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 31/07/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 151758863

Ngày cấp: 05/03/2005

Nơi cấp: Công an Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 138, tổ 9, khu dân cư Văn Quán, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 138, tổ 9, khu dân cư Văn Quán, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội